TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HS-ST
Ngày 22 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Văn Tân

Bà Khúc Thị Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67 /2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Bá D**,** sinh ngày 03/9/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá V và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Hoàng Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị C đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/10/2023; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Ngô Duy T1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Đào Văn T2, sinh năm 1983; nơi cư trú: Phố Chợ H, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Thị H1, Ngô Duy T3; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 31/7/2023, Nguyễn Bá D đi bộ đến khu vực chợ T5, xã T, huyện K thì phát hiện thấy chiếc xe đạp điện màu đen, không gắn biển kiểm soát của anh Ngô Duy T1 dựng gần cửa nhà anh T1, không có người trông coi, D nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. D vào lấy chiếc xe trên mang đến quán bán xe đạp điện của anh Đào Văn T2 ở phố Chợ H, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, bán cho anh T2 với giá 1.600.000 đồng. Khi mua xe, anh T2 chụp lại hình ảnh D. Sau khi mua xe, anh T2 đã sơn lại khung sắt bằng màu bạc và thay thế, sửa chữa một số bộ phận của xe hết 400.000 đồng. Số tiền bán xe đạp điện, D chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 02/8/2023, anh Ngô Duy T1 gửi đơn trình báo sự việc đến Công an huyện K. Cùng ngày, anh Đào Văn T2 tự nguyện giao nộp chiếc xe đạp điện mua của Nguyễn Bá D và giao nộp hình ảnh người đã bán xe đạp điện cho anh T2.

Kết luận định giá tài sản số 22 ngày 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Chiếc xe đạp điện sơn màu đen, xe cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm xảy ra vụ việc (31/7/2023), xe hiện trạng chưa được sửa chữa, thay thế một số phụ tùng, có giá trị là 2.562.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Bá D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và khai: Do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên khi nhìn thấy chiếc xe đạp điện dựng ở vỉa hè, không có người trông coi nên D nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền chi tiêu. Khi bán xe cho anh Đào Văn T2; D nói là xe của D nên anh T2 không biết xe do D trộm cắp mà có. Sau khi sự việc bị phát hiện, D đã tự nguyện bồi thường cho anh T2 số tiền 2.000.000 đồng là giá trị chiếc xe mà D trộm cắp, bán cho anh T2 và giá trị một số bộ phận của xe do anh T2 thay thế, sửa chữa sau khi mua xe. Toàn bộ số tiền bồi thường thuộc quyền sở hữu của D.

Bị hại Ngô Duy T1 khai: Vào khoảng tháng 5 năm 2022, anh mua xe đạp điện với giá 7.000.000 đồng để các thành viên trong gia đình cùng sử dụng nhưng là tài sản riêng của anh. Chiều ngày 31/7/2023, mẹ anh là bà Nguyễn Thị H2 có mượn xe của anh đi ra ngoài về đến nhà đã trả lại anh, mẹ anh dựng xe ở trước cửa nhà anh, chìa khóa vẫn cắm ở xe, không có người trông coi, một lúc sau phát hiện bị mất xe, anh kiểm tra C1 thì thấy có người nam giới dáng cao, gầy dắt xe đi, nên anh làm đơn trình báo Công an. Sự việc được làm rõ, D là người trộm cắp xe của anh. Quá trình điều tra, anh đã nhận lại xe, anh không yêu cầu D bồi thường nhưng đề nghị xử lý D theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Văn T2 khai: Anh làm nghề buôn bán xe đạp điện và sửa chữa xe. Tối ngày 31/7/2023, anh đang ở nhà thì có người nam giới đến hỏi bán xe đạp điện cho anh, sau anh biết đó là Nguyễn Bá D. Toàn bộ sự việc như nội dung nêu trên. Anh đã giao nộp lại xe đạp điện cho Cơ

quan điều tra để trả lại bị hại. Anh đã nhận lại 2.000.000 đồng từ Nguyễn Bá D giao trả, số tiền trên là giá trị chiếc xe mà D bán cho anh và giá trị một số bộ phận của xe do anh thay thế, sửa chữa sau khi mua xe. D đã bồi thường đầy đủ cho anh, anh không yêu cầu D bồi thường thêm và không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe đạp điện cho anh Ngô Duy T1 là chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự*:* Bị hại Ngô Duy T1 đã nhận lại tài sản. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Văn T2 đã nhận 2.000.000 đồng từ Nguyễn Bá D bồi thường. Anh T4, anh T2 không yêu cầu D bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Ngoài ra bị cáo khai: Trước khi thực hiện hành hành vi trộm cắp xe, bị cáo không bàn bạc với ai, không ai xúi giục bị cáo. Sau khi lấy được xe, bị cáo mang bán cho anh T2 được 1.600.000 đồng nhưng không nói cho anh T2 biết đó là xe do bị cáo trộm cắp mà có. Số tiền bán xe, bị cáo ăn tiêu một mình, gia đình bị cáo không ai biết. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã đến xin lỗi anh T2 và hoàn trả lại anh T2 đầy đủ 2.000.000 đồng (gồm 1.600.000 đồng là tiền bán xe và 400.000 đồng là tiền anh T2 đã thay thế, sửa chữa phụ tùng sau khi mua xe). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra và không yêu cầu đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra và không yêu cầu đề nghị gì khác

Bản cáo trạng số 73/CT-VKS-KT, ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Bá D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại số tiền mua xe và sửa chữa xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất, được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu được, Kết luận định giá tài sản và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 31/7/2023 tại khu vực nhà anh Ngô Duy T1, ở thôn T, xã T, huyện K; Nguyễn Bá D đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe đạp điện của anh Ngô Duy T1, trị giá 2.562.000 đồng. Do đó bị cáo Nguyễn Bá D đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị tại phiên tòa.

[3] Tính chất vụ án ít nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để phòng ngừa tội phạm.

[4] Nhân thân bị cáo: Không có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi sự việc bị phát hiện đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường đầy đủ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo có mẹ đẻ tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, gia đình bị cáo có đơn xin bảo lĩnh được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đầy đủ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đầy đủ số tiền mua xe và sửa chữa xe, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra trách nhiệm cho bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe đạp điện cho anh Ngô Duy T1 (chủ sở hữu hợp pháp) là đúng pháp luật.

[11] Trong vụ án này, anh Đào Văn T2 có hành vi mua xe đạp điện của bị cáo nhưng không biết bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện K không xử lý là đúng pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bá D: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự như sau:*"Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.*

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo"

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PC 10; PV 06;
- UBND xã T, huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tân **Khúc Thị Minh** **Vũ Thị Dịu**

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PC 10; PV 06;
- UBND xã T, huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tân **Khúc Thị Minh** **Vũ Thị Dịu**